



# FINAVESTAN

## DẦU TRẮNG GỐC KHOÁNG (CẤP DƯỢC PHẨM)

### ỨNG DỤNG

- Chất hóa dẻo trong công nghiệp polystyrene và chất đàn hồi nhựa nhiệt dẻo.
- Thành phần nguyên liệu được sử dụng trong công nghiệp mỹ phẩm và dược phẩm.
- Được sử dụng như một chất chống tạo bọt, lớp màng bảo vệ và tháo khuôn trong công nghiệp thực phẩm. (theo luật qui định của địa phương).
- Bôi trơn máy móc thực phẩm (tiếp xúc thực phẩm ngẫu nhiên)
- Sử dụng dầu trắng cấp dược phẩm trong ngành thực phẩm (có sự tiếp xúc trực tiếp) tùy thuộc vào qui định và áp dụng của luật địa phương.

### TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Dầu trắng FINAVESTAN đáp ứng những qui định của:

- FDA, 21 CFR 172-878, và FDA, 21 CFR 178-3620 (a), 21 CFR 178-3570 (tiếp xúc thực phẩm ngẫu nhiên nhóm H1).
- Dược điển của Mỹ và Châu Âu.
- Dược điển của Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp.
- Hướng dẫn 2002/72/EC (trước đây là 90/128/ECC và điều chỉnh 99/91): chỉ dành cho FINAVESTAN A 360 B và A 520 B.

### ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM

- Dầu trắng nguyên chất ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm có sự tiếp xúc ngẫu nhiên.
- Không chứa lưu huỳnh và hydrocarbon thơm, không màu, không mùi và không bị biến đổi màu dưới tác động của ánh sáng.
- Được tinh chế bằng quá trình hydro hóa với áp lực và công nghệ cao, dầu trắng FINAVESTAN đảm bảo những tiêu chuẩn khắt khe hơn cả yêu cầu trong các dược điển.

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	FINAVESTAN						
			A50B	A80B	A100B	A180B	A210B	A360B	A520B
Độ nhớt ở 40°C	ISO 3104	mm <sup>2</sup> /s	7.5	15	18	29	40	70	100
Màu Saybolt	ASTM D56	-	+30	+30	+30	+30	+30	+30	+30
Tỷ trọng ở 15°C	ISO 3675	Kg/m <sup>3</sup>	835	850	855	860	865	870	871
Nhiệt độ chớp cháy cốc hở	ISO 2592	°C	160	190	195	217	225	250	265
Điểm đông đặc	ISO 3016	°C	-12	-9	-9	-8	-9	-18	-15

Các thông số trên có giá trị điển hình